

## PHỤ LỤC A

### Bổ sung một số nội dung của Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

<b>E-ĐKC 5.2</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đơn vị thụ hưởng bảo đảm thực hiện hợp đồng: Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH (Đại diện là: Công ty Điện lực Đông Nai – Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH).</li><li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng.</li><li>- Sau khi Bên A gửi thư chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng, Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (theo Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại E-HSMT) [<i>Bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp của ngân hàng (là người đại diện theo pháp luật của ngân hàng hoặc người được ủy quyền và kèm theo bản sao phân cấp ký và phát hành thư bảo lãnh)</i>].</li><li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.</li><li>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: 130 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực bảo đảm thực hiện hợp đồng cho đến khi hoàn thành tất cả công việc của hợp đồng, đồng thời phải nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Bên B phải thanh toán chi phí cho việc gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng.</li><li>- Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</li><li>- Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 3% giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.</li><li>- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: (1) Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; (2) Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; (3) Bên B thực hiện hợp đồng</li></ul>
------------------	---

	<p>chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; (4) Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; (5) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.</p> <p>- Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh của tất cả các thành viên của liên danh.</p>
<p><b>E-ĐKC 8</b></p>	<p>- Thời gian thực hiện hợp đồng: 650 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.</p> <p>- Thời gian thực hiện gói thầu: 100 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.</p> <p>- Thời gian thực hiện dịch vụ (ngày hoàn thành dịch vụ): 60 ngày kể từ ngày khởi công</p>
<p><b>E-ĐKC 12.1</b></p>	<p>Đơn vị thụ hưởng bảo lãnh tạm ứng: Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH (Đại diện là: Công ty Điện lực Đồng Nai – Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH).</p> <p>Tạm ứng: 20% giá trị hợp đồng trước thuế.</p> <p>- Thời gian tạm ứng: Trong vòng 14 ngày sau khi Chủ đầu tư nhận được các hồ sơ gồm:</p> <p>+ Công văn yêu cầu tạm ứng;</p> <p>+ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng;</p> <p>+ Bảo lãnh tạm ứng theo mẫu trong hồ sơ mời thầu. Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.</p> <p>- Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Chủ đầu tư tối thiểu 21 ngày trước khi bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu nhà thầu không giao nộp đúng hạn, Chủ đầu tư có quyền tịch thu toàn bộ giá trị bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh bảo lãnh tạm ứng do nhà thầu chi trả.</p> <p>- Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau:</p> <p>(1) Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích;</p> <p>(2) Nhà thầu không gia hạn bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng;</p>

	<p>(3) Nhà thầu không bổ sung khoản tiền tương ứng vào bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>- Chủ đầu tư có quyền khấu trừ hoặc tịch thu bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp nhà thầu vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà nhà thầu có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó nhà thầu có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh tạm ứng.</p> <p>- Hoàn trả tiền tạm ứng:</p> <p>+ Số tiền tạm ứng này sẽ được chủ đầu tư thu hồi hết ngay từ lần Thanh toán đợt 1.</p>
<p><b>E-ĐKC 13.1</b></p>	<p>Đối với trường hợp nhà thầu tham dự là liên danh: Đại diện 01 thành viên trong liên danh là đơn vị thụ hưởng tiền thanh toán của Hợp đồng.</p> <p>a) Hình thức thanh toán chuyển khoản</p> <p>b) Thời hạn thanh toán:</p> <p>Số lần thanh toán sẽ được tiến hành 02 đợt</p> <p>* Thanh toán đợt 1: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 90% giá trị quyết toán hợp đồng trong vòng 14 ngày kể từ ngày Bên B hoàn thành các công việc (hoàn tất các thủ tục tổng nghiệm thu công trình, quyết toán khối lượng hoàn thành, hoàn trả VTTB thu hồi hiện hữu, hoàn tất việc lập và phê duyệt công tác phát sinh (nếu có), hoàn tất lập và nộp hồ sơ hoàn công...) và Bên A thu hồi hết tạm ứng và nhận được những tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B (bản gốc);</li> <li>+ Hóa đơn GTGT do bên B lập khi giao hàng theo đúng quy định pháp luật và phải hoàn toàn tự chịu trách nhiệm về các hậu quả pháp lý cho hóa đơn Bên B lập;</li> <li>+ Biên bản nghiệm thu về số lượng và chất lượng của các hàng hóa đạt yêu cầu giữa Bên A và Bên B (bản gốc);</li> <li>+ Chứng nhận chất lượng (CQ) (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực), Chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO) (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực) đối với hàng nhập khẩu;</li> <li>+ Biên bản kiểm tra xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất trong nước (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực);</li> <li>+ Biên bản thử nghiệm xuất xưởng Máy biến áp (bản gốc);</li> <li>+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng kèm bảng xác nhận khối lượng hoàn thành (bản gốc);</li> </ul>

- + Hồ sơ hoàn công (bản gốc);
- + Giấy cam kết chất lượng dịch vụ của Bên B (bản gốc);
- + Giấy chứng nhận bảo hành sản phẩm (bản gốc);
- + Bảo lãnh bảo hành của ngân hàng (bản gốc).

Các tài liệu trên được đóng tập và sao y 02 bộ có xác nhận của Bên B.

\* Thanh toán đợt 2: Bên A sẽ thanh toán giá trị còn lại cho Bên B trong vòng 14 ngày kể từ ngày Bên A phê duyệt quyết toán công trình và Bên A nhận được tài liệu sau:

- + Văn bản đề nghị thanh toán.

- Đồng tiền thanh toán theo hợp đồng: Việt Nam đồng

C. Thanh lý hợp đồng: Các bên có thể thỏa thuận về việc hợp đồng tự động hết hiệu lực khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký hoặc ký kết biên bản thanh lý hợp đồng. Biên bản thanh lý hợp đồng có thể được lập riêng hoặc như một phần của biên bản nghiệm thu đợt cuối cùng hoặc biên bản thống nhất chấm dứt hợp đồng với nội dung phù hợp với trách nhiệm các bên đã quy định trong hợp đồng. Việc thanh lý hợp đồng phải được thực hiện trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký hoặc trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của pháp luật

D. Bảo hành:

1. Thời gian bảo hành: 18 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng nhưng không quá 24 tháng kể từ ngày giao hàng cuối cùng.

2. Yêu cầu về bảo hành:

- Đơn vị thụ hưởng bảo lãnh bảo hành: Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH (Đại diện là: Công ty Điện lực Đồng Nai – Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH).

- Trong vòng 15 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng và được Chủ đầu tư chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, nhà thầu phải giao cho Chủ đầu tư giấy cam kết bảo hành công trình và bảo lãnh bảo hành công trình. Bảo lãnh bảo hành sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà nhà thầu gửi Chủ đầu tư phải là bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng [*Bảo lãnh bảo hành phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp của ngân hàng (là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng hoặc người được ủy quyền và kèm theo bản sao phân cấp ký và phát hành thư bảo lãnh)*].

	<p>- Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ ngày công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành.</p> <p>Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của nhà thầu theo thời gian yêu cầu của Chủ đầu tư. Trước khi tiến hành sửa chữa, nhà thầu phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Chủ đầu tư phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, nhà thầu cố tình trì hoãn sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan này. Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà nhà thầu chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì nhà thầu phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Chủ đầu tư trước thời điểm hết hiệu lực của bảo lãnh bảo hành tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà nhà thầu không gia hạn bảo lãnh thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.</p>
<p><b>E-ĐKC 15</b></p>	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng:</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 0,14%/ngày cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 5%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC.</p> <p>Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.</p> <p>Trường hợp dịch vụ không đảm bảo chất lượng như quy định tại hợp đồng này, Bên B sẽ chịu mọi chi phí liên quan đến dịch vụ phù hợp và bị phạt 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm về chất lượng dịch vụ. Trường hợp do sửa chữa, thay thế mà phải kéo dài thời gian hoàn thành hợp đồng thì Bên B tiếp tục bị phạt do dịch vụ hoàn thành chậm tại Điều này. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC. Nếu Bên B không thực hiện dịch vụ hoàn thành chậm hoặc không đảm bảo chất lượng, căn cứ vào khối lượng vi phạm hợp đồng thực tế, Bên A sẽ khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền theo mức quy định như trên và không cần phải chứng minh bất cứ thiệt hại nào.</p> <p>Tổng mức phạt khi nhà thầu vừa vi phạm cung cấp các dịch vụ không đúng thời hạn vừa vi phạm về chất lượng dịch vụ tối đa 8% giá</p>

trị phân hợp đồng bị vi phạm cung cấp các dịch vụ không đúng thời hạn và vi phạm về chất lượng dịch vụ.

## 2. Bồi thường thiệt hại:

Ngoài việc thực hiện các khoản phạt vi phạm theo quy định tại điều này, Bên B còn thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi có phát sinh thiệt hại cho Bên A, Bên thứ ba (nếu có), mức bồi thường thiệt hại được tính theo thực tế.